

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 351/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20/5/2022

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH-TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Anh Tuấn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Công Trường

2. Bà Châu Bích Phượng

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Phục** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà **Lương Thị Trà My** – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **188/2022/TLST-HNGĐ** ngày 18 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Trần Văn T**, sinh năm 1991. Địa chỉ: Đội 16, xã NH, huyện NH, tỉnh Nam Định. Hiện cư trú: Ấp Long Bình, xã Long An, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: **Tạ Thị M**, sinh năm 1988. Địa chỉ: Đội 16, xã NH, huyện NH, tỉnh Nam Định (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trần Văn T trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh và chị M tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 27/02/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Hồng. Thời gian đầu sống hạnh phúc, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được nên đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị M.

- Về con chung: Có 02 con chung là cháu Trần Thị Ngọc A (sinh ngày 08/9/2013) và cháu Trần Hoàng Gia B (sinh ngày 05/9/2016) hiện do chị M nuôi dưỡng. Nay đồng ý giao cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng: Đồng ý cấp dưỡng con chung mỗi tháng là 1.000.000đồng/tháng/cháu.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

** Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Tạ Thị M có ý kiến trình bày:*

Chị đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn T, đồng ý ly hôn, nuôi 02 con chung là Trần Thị Ngọc A (sinh ngày 08/9/2013) và cháu Trần Hoàng Gia B (sinh ngày 05/9/2016) và mức cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung không có. Nay do ở xa, đi lại khó khăn nên yêu cầu Tòa án hòa giải và xét xử vắng mặt.

** Tại phiên tòa,*

Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; Nguyên đơn, bị đơn: Thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho anh T được ly hôn với chị M, giao con chung cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đồng/tháng/cháu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của anh T thì xác định đây là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh T và chị M có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T và chị M.

Anh T và chị M có đơn thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nơi anh T cư trú để giải quyết là phù hợp với điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh T và chị M tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 27/02/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Hồng, nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

Theo anh T khai nhận: Thời gian đầu giữa anh và chị M sống hạnh phúc, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được nên đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay.

Xét thấy, theo kết quả xác minh của Tòa án cũng cho thấy quan hệ vợ chồng giữa anh T và chị M đã phát sinh mâu thuẫn và hai bên đã ly thân từ năm 2016 đến nay. Mặc khác, chị M cũng đồng ý ly hôn với anh T. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T, cho anh T được ly hôn với chị M.

[3] Về con chung: Xét thấy, 02 con chung là cháu Trần Thị Ngọc A (sinh ngày 08/9/2013) và cháu Trần Hoàng Gia B (sinh ngày 05/9/2016) hiện do chị M nuôi dưỡng. Theo kết quả xác minh của Tòa án thì đủ cơ sở xác định chị M chăm sóc tốt 02 con chung. Nay chị M yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng, anh T cũng đồng ý. Vì vậy cần giao con chung cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng: Anh T và chị M thống nhất mức cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp, nên cần buộc anh T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/tháng/cháu.

[5] Về tài sản: Anh T và chị M không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng không xem xét trong vụ kiện này.

[6] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì anh T phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

[7] Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, anh Trần Văn T được ly hôn với chị Tạ Thị M.

2. Về con chung: Giao cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Thị Ngọc A (sinh ngày 08/9/2013) và cháu Trần Hoàng Gia B (sinh ngày 05/9/2016).

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung là 1.000.000 đồng/tháng/cháu (02 cháu là 2.000.000 đồng/tháng) cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Kể từ ngày chị M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh T không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng anh T còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh T phải chịu 600.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004113 ngày 16/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, nên anh T phải nộp tiếp 300.000 đồng án phí

5. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

ĐÃ KÝ

BÙI ANH TUẤN